TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Bích T; cư trú tại: K36/6 đường Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Phan Van N; cư trú tại: United States of America (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị Bích T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Van N đã tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20-01-2014. Kết hôn được 03 tuần thì ông N trở về Hoa Kỳ còn bà thì vẫn ở Việt Nam; đến năm 2016 thì giữa vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp quan điểm. Do đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt; nay bà xác định là không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên nguyện vọng của bà là được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà và ông Phan Van N không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Phan Van N không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Phan Van N, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị Bích T kết hôn năm 2014, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân là không hợp. Bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Ông đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, cũng như xét xử vắng mặt đối với ông.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Dương Thị Bích T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại K36/6 đường Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Phan Van N; quốc tịch: Hoa Kỳ; cư trú tại địa chỉ: USA (Hoa Kỳ), nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Phan Van N, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ nơi ông N cư trú, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a Điều 10 của Công ước về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại. Ngày 06-11-2020, ông N đã cung cấp

cho Tòa án đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco hợp pháp hóa lãnh sự. Theo đó, ông N đề nghị Tòa án không mở phiên họp hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt đối với ông do không thể về Việt Nam để tham dự, nên Tòa án không mở phiên họp hòa giải và mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông N, theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Phan Van N của bà Dương Thị Bích T thì thấy, mâu thuẫn giữa ông bà bắt nguồn từ việc mỗi người sống một nơi, vợ chồng không thể sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, ông bà đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông N của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Ông Phan Van N và bà Dương Thị Bích T không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Dương Thị Bích T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 469, khoản 1 và khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Bích T đối với ông Phan Van N.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị Bích T được ly hôn với ông Phan Van N.

2. Về án phí dân sự: Bà Dương Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002713 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Bích T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Van N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam